

Số: 04/GPMT-UBND

Thuận An, ngày 01 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 24/2025/CV-THBD ngày 07 tháng 3 năm 2025, Văn bản số 23/2025/CV-THBD ngày 07 tháng 3 năm 2025 về kết quả chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Thaco Auto Bình Dương (tên cũ là Công ty TNHH MTV Trường Hải – Bình Dương) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường (thành viên Tổ kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của UBND thành phố Thuận An) tại Tờ trình số 186/TTr-TNMT ngày 28 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thaco Auto Bình Dương (Địa chỉ trụ

sở chính tại: Số 56/9, Đại lộ Bình Dương, tổ 15, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà trưng bày và bảo hành ô tô (quy mô: mua bán 1.500 xe/năm; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng 38.000 lượt xe/năm) tại số 56/9, Đại lộ Bình Dương, Tổ 15, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Nhà trưng bày và bảo hành ô tô (quy mô: mua bán 1.500 xe/năm; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng 38.000 lượt xe/năm). Vốn điều lệ: 95.400.000.000 đồng (Viết bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ bốn trăm triệu đồng).

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 56/9, Đại lộ Bình Dương, tổ 15, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số mã số 3701732783 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15 tháng 10 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 3701732783.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ trở xuống); bán buôn xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác,...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích đất dự án: 26.126 m².
- Quy mô: Tương đương Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công). Trước đây, Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An đã cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1860/GXN-UBND ngày 19/6/2019. Căn cứ khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An.

- Cơ sở tương đương dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất: Nhà trưng bày và bảo hành ô tô (quy mô: mua bán 1.500 xe/năm; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng 38.000 lượt xe/năm).

- Quy trình hoạt động:

- + Quy trình công nghệ bảo hành, sửa chữa: Xe vào sửa chữa → Tháo sơ bộ - rửa ngoài → Tháo cụm → Tháo sơ bộ - rửa cụm ngoài → Tháo chi tiết → Tẩy rửa chi tiết → Kiểm tra phân loại chi tiết → Bảo hành, phục hồi chi tiết → Lắp cụm, chạy rà, thử nghiệm → Lắp xe → Thử xe → Sơn xe → Giao xe.

- + Quy trình công nghệ sơn: Tiếp nhận xe → Mài nhám chuẩn bị bề mặt →



Sơn chống gỉ → Làm bả matit → Sơn lót bề mặt → Sơn màu → Sơn bóng → Sấy → Kiểm tra lần cuối.

+ Quy trình công nghệ bảo dưỡng định kỳ: Xe vào bảo dưỡng → Kiểm tra sơ bộ → Kiểm tra trên cầu → Kiểm tra trên mặt đất → Tiến hành bảo dưỡng → Giao xe cho khách hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thaco Auto Bình Dương được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Thaco Auto Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm,




(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 01 tháng 4 năm 2035

Điều 4. Giao Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà trưng bày và bảo hành ô tô (quy mô: mua bán 1.500 xe/năm; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng 38.000 lượt xe/năm) tại số 56/9, Đại lộ Bình Dương, tổ 15, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

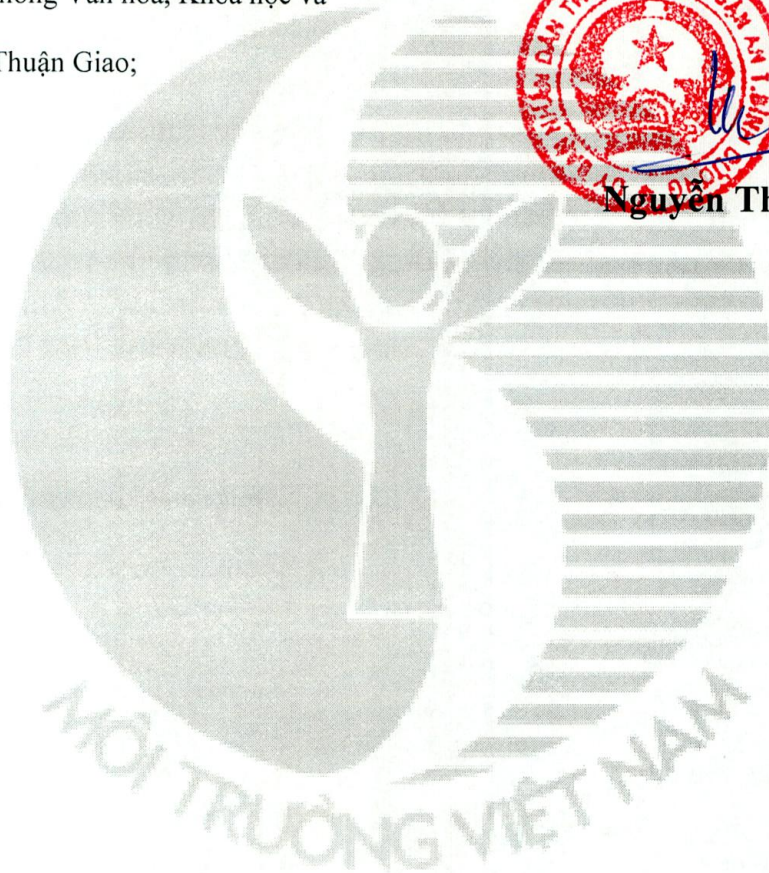
Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thaco Auto Bình Dương;
- Sở NNMT tỉnh (báo cáo);
- Phòng TNMT, Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin;
- UBND phường Thuận Giao;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Ủy





Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Thuận An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh, khu Pantry tại showroom Peugeot.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh, khu pantry, khu pha chế tại showroom BMW.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh và khu pantry tại showroom Kia Mazda.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ nhà ăn.

1.2. Nước thải từ hoạt động dịch vụ

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu rửa xe và phòng sơn tại showroom Peugeot.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khu rửa xe và phòng sơn tại showroom BMW.

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ khu rửa xe và phòng sơn tại showroom Kia Mazda.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau khi xử lý → Hồ ga trên đường Đại lộ Bình Dương → Kênh T3 → rạch Búng → Sông Sài Gòn.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Hồ ga Km10+525 (cách lối ra của dự án khoảng 35m, cống đầu nổi khẩu độ D600, cống dọc Quốc lộ 13 khẩu độ D800).

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X(m) = 1209856$; $Y(m) = 604676$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $55 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải được dẫn ra hồ ga nội bộ và theo cao trình chảy ra công thoát nước chung của khu vực trên đường Đại lộ Bình Dương → Kênh T3 → rạch Búng → Sông Sài Gòn.

- Hình thức xả: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
5	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	
9	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01 (thu gom theo đường ống PVC D80 mm và D100 mm) → Bể tự hoại 3 ngăn → Bơm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 02 (thu gom theo đường ống PVC D80 mm và D100 mm) → Bể tự hoại 3 ngăn → Bơm dẫn về hố bơm nước thải 01 → Bơm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 03 (thu gom theo đường ống PVC D80 mm và D100 mm) → Bể tự hoại 3 ngăn → Bơm dẫn về hố bơm nước thải 02 → Bơm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 04 (thu gom theo đường ống PVC D80 mm) → Bể tách mỡ → Bơm dẫn về hố bơm nước thải 01 → Bơm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 05 (thu gom theo đường ống PVC D80 mm và D100

mm) → Bể tách dầu 01 → Bơm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 06 (thu gom theo đường ống PVC D80 mm và D100 mm) → Bể tách dầu 02 → Bơm dẫn về hồ bơm nước thải 01 → Bơm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 07 (thu gom theo đường ống PVC D80 mm và D100 mm) → Bể tách dầu 03, 04 → Bơm dẫn về hồ bơm nước thải 02 → Bơm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn (xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt)

- Số lượng: 10 bể

- Vị trí: 02 bể tại Showroom Peugeot, 05 bể tại Showroom BMW, 03 bể tại Showroom Kia Mazda.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng 1 → Ngăn lắng 2 → Ngăn bơm → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế:

+ Showroom Peugeot: Bể tự hoại 01 là 22,33 m³, Bể tự hoại 02 là 13,85 m³

+ Showroom BMW: Bể tự hoại 03, 07 là 20,9 m³, Bể tự hoại 04, 06 là 9,24 m³, Bể tự hoại 05 là 14,90 m³.

+ Showroom Kia Mazda: Bể tự hoại 08, 09 là 17,1 m³, Bể tự hoại 10 là 17,7m³.

1.2.2. Bể tách mỡ (xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn)

- Số lượng: 01 bể;

- Vị trí: 01 bể tại showroom BMW;

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà ăn → Ngăn 01 → Ngăn 02 → Ngăn bơm → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: 30 m³.

1.2.3. Bể tách dầu (xử lý sơ bộ nước thải sản xuất)

- Số lượng: 04 bể;

- Vị trí: 01 bể tại showroom Peugeot, 01 bể tại showroom BMW, 02 bể tại showroom Kia Mazda

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải rửa xe → Ngăn 01 → Ngăn 02 → Ngăn 03 → Ngăn bơm → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 04 bể tách dầu (bể tách dầu 01 là 5,44 m³, bể tách dầu 02 là 8,7 m³, bể tách dầu 03, 04 là 5,44 m³).

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (đã qua xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc cát (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0) → Hồ ga trên đường Đại lộ Bình Dương → Kênh T3.

- Công suất thiết kế: 55 m³/ngày.đêm.

- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày

- Hóa chất sử dụng: Chlorine, Na₂CO₃, Vi sinh dạng bột, Mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp hư hỏng nhẹ (mất điện đột ngột, nhảy role nhiệt...). Trường hợp hệ thống hư hỏng nặng (chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu; sự cố hỏng máy móc, thiết bị....) Công ty sẽ dừng hoạt động toàn bộ hệ thống và chỉ hoạt động lại sau khi đã khắc phục sự cố.

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống, theo dõi tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý; lập quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Bố trí nhân viên chuyên trách theo dõi, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở (công suất 55 m³/ngày.đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí sau bể lọc của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: pH, BOD₅, TSS, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

2.3.1. Giai đoạn vận hành ổn định:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải	01 mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định	Mẫu đơn	pH, BOD ₅ , TSS, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO ₃ ⁻ , Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K = 1,0)
2	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải	01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (03 mẫu)	Mẫu đơn		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải 20 ngày.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước

thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.





Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 0.4/GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Thuận An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn sấy xe Peugeot số 1.
- Nguồn số 02: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn sấy xe Peugeot số 2.
- Nguồn số 03: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn sấy xe BMW.
- Nguồn số 04: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn sấy xe Kia – Mazda số 1.
- Nguồn số 05: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn nhanh xe Kia – Mazda số 2.
- Nguồn số 06: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn nhanh xe Kia – Mazda số 3.
- Nguồn số 07: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn nhanh xe Kia – Mazda số 4.
- Nguồn số 08: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn nhanh xe Kia – Mazda số 5.
- Nguồn số 09: Khí thải (bụi và hơi dung môi) phát sinh từ phòng sơn nhanh xe Kia – Mazda số 6.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải :

2.1. Vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Dòng khí thải	Ống khói tương ứng	Tọa độ vị trí xả khí thải		Lưu lượng xả lớn nhất (m ³ /h)
		X	Y	
Dòng khí thải số 01 (nguồn số 01)	Tương ứng ống khói số 1 sau HTXL (hệ thống xử lý) phòng sơn sấy xe Peugeot số 1.	1209867	604767	22.000
Dòng khí thải số 02 (nguồn số 02)	Tương ứng ống khói số 2 sau HTXL phòng sơn	1209851	604779	22.000

	sấy xe Peugeot số 2.			
Dòng khí thải số 03 (nguồn số 03)	Tương ứng ống khói số 3 sau HTXL phòng sơn sấy xe BMW.	1209818	604783	24.000
Dòng khí thải số 04 (nguồn số 04)	Tương ứng ống khói số 4 sau HTXL phòng sơn sấy xe Kia - Mazda số 1.	1209762	604791	20.000
Dòng khí thải số 05 (nguồn số 05)	Tương ứng ống khói số 5 sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 2.	1209746	604797	20.000
Dòng khí thải số 06 (nguồn số 06)	Tương ứng ống khói số 6 sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 3.	1209749	604790	20.000
Dòng khí thải số 07 (nguồn số 07)	Tương ứng ống khói số 7 sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 4.	1209746	604781	20.000
Dòng khí thải số 08 (nguồn số 08)	Tương ứng ống khói số 8 sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 5.	1209741	604794	20.000
Dòng khí thải số 09 (nguồn số 09)	Tương ứng ống khói số 9 sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 6.	1209734	604791	20.000

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiều 3^0)

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Thaco Auto Bình Dương tại số 56/9 Đại lộ Bình Dương, Tổ 15, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, Bình Dương.

2.2. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải từ số 01 – số 09: Xả gián đoạn qua ống thoát khí (khi phòng sơn có hoạt động).

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 0,8$, $K_v = 0,8$), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị cho phép	Quy chuẩn so sánh	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	128	QCVN 19:2009/BTN MT (cột B, K _p = 0,8, K _v = 0,8)		
3	Benzen	mg/Nm ³	5	QCVN 20:2009/BTN MT	01 năm/lần	
4	Toluen	mg/Nm ³	750			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01 và số 02: bụi, khí thải phát sinh được thu gom bằng quạt hút và dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 22.000 m³/giờ để xử lý.

- Nguồn số 03: bụi, khí thải phát sinh được thu gom bằng quạt hút và dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 24.000 m³/giờ để xử lý.

- Nguồn số 04, 05, 06, 07, 08 và 09: bụi, khí thải phát sinh được thu gom bằng quạt hút và dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 20.000 m³/giờ để xử lý cho mỗi nguồn thải (tương ứng 06 hệ thống thu gom, xử lý khí thải riêng biệt).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Thiết bị xử lý khí thải tại 02 phòng sơn sấy xe Peugeot (thiết bị đi kèm hệ thống phòng sơn đã thiết kế theo tiêu chuẩn)

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Bụi, hơi dung môi từ phòng sơn sấy → Bộ hút và lọc bụi (lọc bụi trần và lọc bụi sàn) → Bộ lọc than hoạt tính → Thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế (xác định theo công suất hút khí thải tối đa của quạt hút khí): 22.000 m³/giờ/hệ thống.

- Vật liệu sử dụng:

+ Bộ lọc bụi sàn (bằng sợi thủy tinh, gồm 03 tấm, kích thước mỗi tấm là 1,2m x 0,8m).

+ Bộ lọc bụi trần (bằng sợi thủy tinh, gồm 06 tấm, kích thước mỗi tấm là 2.160x1.335x30mm).

+ Bộ lọc than hoạt tính (gồm 09 lõi lọc bằng than hoạt tính có dạng trụ tròn kết hợp 06 tấm lọc bông có tổng diện tích là 1,5m²).

1.2.2. Thiết bị xử lý khí thải tại 01 phòng sơn sấy xe BMW (thiết bị đi kèm hệ thống phòng sơn đã thiết kế theo tiêu chuẩn)

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Bụi, hơi dung môi từ phòng sơn sấy → Bộ hút và lọc bụi (lọc bụi trần và lọc bụi sàn) → Bộ lọc than hoạt tính → Thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế (xác định theo công suất hút khí thải tối đa của quạt hút khí): 24.000 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng:

+ Bộ lọc bụi sàn (bằng sợi thủy tinh, gồm 03 tấm, kích thước mỗi tấm là 1,2m x 0,8m).

+ Bộ lọc bụi trần (bằng sợi thủy tinh, gồm 06 tấm, kích thước mỗi tấm là 2.160x1.335x30mm).

+ Bộ lọc than hoạt tính (gồm 09 lõi lọc bằng than hoạt tính có dạng trụ tròn kết hợp 06 tấm lọc bông có tổng diện tích là 1,5m²).

1.2.3. Thiết bị xử lý khí thải tại 01 phòng sơn sấy xe Kia - Mazda (thiết bị đi kèm hệ thống phòng sơn đã thiết kế theo tiêu chuẩn)

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Bụi, hơi dung môi từ phòng sơn sấy → Bộ hút và lọc bụi (lọc bụi trần và lọc bụi sàn) → Bộ lọc than hoạt tính → Thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế (xác định theo công suất hút khí thải tối đa của quạt hút khí): 20.000 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng:

+ Bộ lọc bụi sàn (bằng sợi thủy tinh, gồm 03 tấm, kích thước mỗi tấm là 1,2m x 0,8m).

+ Bộ lọc bụi trần (bằng sợi thủy tinh, gồm 06 tấm, kích thước mỗi tấm là 2.160x1.335x30mm).

+ Bộ lọc than hoạt tính (gồm 09 lõi lọc bằng than hoạt tính có dạng trụ tròn kết hợp 06 tấm lọc bông có tổng diện tích là 1,5m²).

1.2.4. Thiết bị xử lý khí thải tại 05 phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda (thiết bị đi kèm hệ thống phòng sơn đã thiết kế theo tiêu chuẩn)

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Bụi, hơi dung môi từ phòng sơn nhanh → Bộ hút và lọc bụi (lọc bụi trần và lọc bụi sàn) → Bộ lọc than hoạt tính → Thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế (xác định theo công suất hút khí thải tối đa của bộ hút khí): 20.000 m³/giờ/hệ thống.

- Vật liệu sử dụng:

+ Bộ lọc bụi sàn (bằng sợi thủy tinh, gồm 02 tấm, kích thước mỗi tấm là 1,2m x 0,8m).

+ Bộ lọc bụi trần (bằng sợi thủy tinh, gồm 04 tấm, kích thước mỗi tấm là 2.160x1.335x30mm).

+ Bộ lọc than hoạt tính (gồm 09 lõi lọc bằng than hoạt tính có dạng trụ tròn kết hợp 06 tấm lọc bông có tổng diện tích là 1,5m²).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xả khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các thiết bị xử lý bụi, khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành của nhà sản xuất.

- Trường hợp thiết bị xử lý bụi, khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, tạm dừng hoạt động của trung tâm để thay thế, sửa chữa kịp thời. Chỉ đưa trung tâm vào hoạt động trở lại sau khi đã khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 02 Hệ thống xử lý khí thải phòng sơn sấy xe Peugeot, công suất thiết kế 22.000 m³/giờ/hệ thống.

- 01 Hệ thống xử lý khí thải phòng sơn sấy xe BMW, công suất thiết kế 24.000 m³/giờ.

- 01 Hệ thống xử lý khí thải phòng sơn sấy xe Kia - Mazda, công suất thiết kế 20.000 m³/giờ.

- 05 Hệ thống xử lý khí thải phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda, công suất

thiết kế 20.000 m³/giờ/hệ thống.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

STT	Vị trí lấy mẫu	Số lượng (ống)	Tọa độ vị trí xả khí thải	
			X	Y
1	Ống khói sau HTXL (hệ thống xử lý) phòng sơn sấy xe Peugeot số 1 (KT1-1).	01	1209867	604767
2	Ống khói sau HTXL phòng sơn sấy xe Peugeot số 2 (KT1-2).	01	1209851	604779
3	Ống khói sau HTXL phòng sơn sấy xe BMW (KT2-1).	01	1209818	604783
4	Ống khói sau HTXL phòng sơn sấy xe Kia - Mazda số 1 (KT3-1).	01	1209762	604791
5	Ống khói sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 2 (KT3-2).	01	1209746	604797
6	Ống khói sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 3 (KT3-3).	01	1209749	604790
7	Ống khói sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 4 (KT3-4).	01	1209746	604781
8	Ống khói sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 5 (KT3-5).	01	1209741	604794
9	Ống khói sau HTXL phòng sơn nhanh xe Kia - Mazda số 6 (KT3-6).	01	1209734	604791
Tổng		09		

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰45' vĩ chiều 3⁰)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành

hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. 





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2015
của UBND thành phố Thuận An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động máy thổi khí từ khu vực xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 1209852, Y(m) = 604776.
- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 1209857, Y(m) = 604774.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy móc, thiết bị phát



sinh độ rung lắp đặt gổì lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. 





Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Thuận An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
01	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	50
02	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	50
03	Bộ lọc dầu	15 01 02	4.500
04	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	69.000
05	Dung môi thải	17 08 03	4.200
06	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 05	15.000
07	Ắc quy chì thải	19 06 01	50
08	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	12.000
09	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	4.500
10	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	4.000
11	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	4.000
12	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	3.000
13	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	800

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
TỔNG KHỐI LƯỢNG			121.150

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Chất thải phải xử lý (không có khả năng tái sử dụng): khoảng 50 kg/ngày, bao gồm: phụ tùng xe cũ, hư hỏng...

- Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: khoảng 20 kg/ngày, bao gồm: thùng giấy, bìa carton, thùng nhựa, thùng phuy...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	27
Tổng khối lượng		27

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại theo quy định.
- Bố trí 10 thùng nhựa HDPE, có bánh xe, có nắp đậy, dung tích 240 lít và 05 thùng nhựa HDPE, có khung thép, có dán nhãn, dung tích 1000 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 60 m² (Kích thước: 12m x 5m x 2,5m);

- Khu vực lưu chứa dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải: Diện tích 15,2 m² (Kích thước: 4m x 3,8m x 2m);

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và phân loại theo quy định.

- Các loại phụ tùng hư hỏng được thu gom, hoàn trả cho khách hàng; Chất

thải rắn có thể tái chế như thùng giấy, bìa carton...được thu gom, lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Bố trí 10 thùng nhựa HDPE, có bánh xe, có nắp đậy, dung tích 120 lít và 01 thùng nhựa HDPE, có khung thép, có dán nhãn, dung tích 1000 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 60 m² (Kích thước: 12m x 5m x 2,5m);
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Xây tường bao quanh, nền xi măng chống thấm, có mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại theo quy định.
- Bố trí 30 thùng chứa (loại 15 lít, có nắp đậy kín) tại các phòng chức năng và 26 thùng chứa (loại 120 lít, có nắp đậy kín) tại các khu sửa chữa, bảo hành xe để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Cuối mỗi ngày nhân viên sẽ thu gom về 20 thùng chứa (loại 120 lít, có nắp đậy kín) đặt tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 24 m² (Kích thước: 6m x 4m x 2,5m);
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Xây tường bao quanh bằng tôn, nền xi măng chống thấm, có mái che.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Toàn bộ chất thải phát sinh tại dự án được chuyển giao cho đơn vị có chức năng, không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

5. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp



[Handwritten signature]

luật; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

